

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2018/HS-PT

Ngày: 21-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các thẩm phán: Ông Tô Phú Đông

Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 96/2018/TLPT-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn D (Tên gọi khác: B), sinh năm 1980 tại Đồng Tháp; HKTT và chỗ ở: A, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; Vợ: Phạm Thị T1, sinh năm 1976 (ly hôn năm 2011); con: có 1 con; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 05/5/2010, bị Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp, xử phạt 01 năm tù giam về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/12/2010, chấp hành xong bản án ngày 26/01/2011 (đã xóa án ịch); tiền sự: 1/ Ngày 01/10/2013, bị Công an huyện L xử phạt hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc; 2/ Ngày 18/6/2015 bị Công an huyện L xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc (đã xóa 02 tiền sự); Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú: Ngày 01/12/2017; bị cáo đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D và Phạm Thị T1 là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào năm 2011, D thường đến nhà chị T1 để thăm con. Đến khoảng 9 giờ, ngày 08/9/2017, Nguyễn Văn D đi đến nhà của chị Phạm Thị T1 thuộc ấp T, xã P, huyện L, nơi chị T1 ở và mua bán mỹ phẩm hỏi mượn chìa khóa cửa để vào nhà lấy đồ dùng cá nhân, chị T1 đồng ý. D mở cửa vào nhà thì thấy két sắt đặt trong góc phòng nên D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị T1 để trả nợ. D mở mặt khóa két sắt “KO”, lấy chìa khóa mở học tủ nhỏ trong két sắt và lấy 01 sợi dây chuyền bằng vàng ký hiệu 16K-680 (QP), trọng lượng 9,19 chỉ để vào túi quần Jean phía trước bên trái, rồi khóa két sắt lại. D đi về nhà và điện thoại cho Nguyễn Văn T2 là người bán vé số ở chợ Đ, xã P, nhờ T2 đem dây chuyền vàng đến tiệm cầm đồ P tại số A1, ấp T, xã P, huyện L cầm cho bà Lê Thị N1 với số tiền là 15.000.000đ rồi đưa cho D 15.000.000đ và biên nhận cầm vàng, D lấy số tiền 15.000.000đ để trả nợ cho bạn tên H và H1 ở Cần Thơ (không rõ họ tên và địa chỉ).

Đến khoảng 11 giờ ngày 10/9/2017, D đến nhà của chị T1 ở số A2, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, D phát hiện bên trong hộp tủ nhựa có 02 chìa khóa cửa, D lấy chìa khóa đi đến nhà mua bán mỹ phẩm của chị T1 mở cửa đi vào phòng ngủ của chị T1 mở két sắt thì phát hiện bên trong có 01 cọc tiền mệnh giá 500.000đ, có cột dây xung quanh. D lấy 12.000.000đ để vào túi quần phía trước bên trái, rồi đi ra ngoài khóa cửa lại. D trả nợ 10.000.000đ cho bạn tên H và H1, số tiền còn lại D tiêu sài hết. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, chị T1 kiểm tra két sắt thì phát hiện bị mất 01 sợi dây chuyền vàng, loại vàng ký hiệu 16K-680 (QP), trọng lượng 9,19 chỉ và 12.000.000đ. Sau đó chị T1 điện thoại hỏi D về số tài sản bị mất trộm, D thừa nhận nên chị T1 trình báo công an xã P, huyện L.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện L đang tạm giữ của: Nguyễn Văn D: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng - bạc, bàn phím số, số IMEI1: 356878079755921, IMEI2: 356878079755939; đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong máy, được niêm phong và có chữ ký của Nguyễn Văn D; 01 điện thoại SAMSUNG màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, số IMEI1: 358815/07/07/4656/4, IMEI2: 3588416/07/07/4656/2 đã qua sử dụng, không

kiểm tra bên trong máy, được niêm phong và có chữ ký của Nguyễn Văn D; một biên nhận cầm đồ số 83, người cầm đồ tên T2, tên tài sản dây kiề, chủ tiệm cầm đồ tên N1.

Đối với 01 sợi dây chuyền vàng, loại dây Việt Kiều, loại vàng ký hiệu 16K-680 (QP), trọng lượng 9,19 chỉ, 02 cái chìa khóa cửa nhà hiệu AnBuod, chìa trụ tròn của chị Phạm Thị T1, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L đã trao trả cho chị T1 xong.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 72/KL-ĐGTS ngày 31/10/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện L xác định: 01 sợi dây chuyền vàng, loại dây Việt Kiều, loại vàng ký hiệu 16K-680 (QP), trọng lượng 9,19 chỉ có giá trị 22.824.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2018/HSST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018, bị cáo Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018 chị Phạm Thị T1 có đơn yêu cầu đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên mức hình phạt mà án sơ thẩm xử bị cáo. Lý do bị cáo không thấy lỗi của bản thân mà sau khi án sơ thẩm xử xong còn đến nhà chị T1 hăm dọa, chửi thô tục.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị: Căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn D. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Văn D và Phạm Thị T1 (bị hại) là vợ chồng, nhưng đã ly hôn vào năm 2011. Sau khi ly hôn bị cáo thường đến nhà chị T1 để thăm con chung. Đáng lý ra bị cáo phải thấy được từ việc bị cáo cờ bạc dẫn đến vợ chồng ly hôn. Bị cáo phải thay đổi bản chất để giúp chị T1 cùng nuôi con chung, nhưng khi đến nhà chị T1 chơi bị cáo lại để ý mã số tử sắt để tìm cách trộm tài sản. Khi chị T1 đưa chìa khóa cho bị cáo vào nhà, bị cáo không bảo quản tài sản mà mở tủ sắt lấy 01 sợi dây chuyền bằng vàng trọng lượng 9 chỉ 19 phân đem cầm được số tiền là 15.000.000đ để trả nợ cá nhân, trị giá vàng theo định giá là 22.824.000đ. Bị cáo không dừng lại ở lần trộm thứ nhất mà hai ngày sau tiếp tục mở két sắt 01 cọc tiền trị giá 12.000.000đ, tổng cộng hai lần bị cáo trộm tài sản là 34.824.000đ.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng bị cáo là người nhân thân từng đã có tiền án về tội đánh bạc và hai tiền sự về hành vi đánh bạc (đã xóa án tích, xóa tiền sự). Bị cáo vẫn không từ bỏ con đường phạm tội, không chịu tu dưỡng đạo đức để trở thành công dân tốt và là tấm gương tốt cho con bị cáo noi theo. Trong khi bị cáo nhận biết được tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo vẫn lén lút trộm tài sản để bán lấy tiền sử dụng cho cá nhân. Bị cáo và bị hại đã ly hôn nên bị cáo không có quyền sử dụng tài sản của bị hại. Nhưng bị cáo vẫn lén lút lấy trộm tài sản nhiều lần và trị giá tài sản rất lớn, chứng tỏ bị cáo là người xem thường luật pháp của Nhà nước. Ngoài ra hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo cần có thời gian cải tạo giáo dục bị cáo để bị cáo trở thành công dân tốt, giúp ích cho gia đình và có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Án sơ thẩm xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, mức hình phạt án sơ thẩm xử là nhẹ. Vì bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết tăng nặng là có lợi cho bị cáo. Sau khi án sơ thẩm xử bị cáo lại không thấy lỗi của bản thân, bị hại không yêu cầu trả đủ tiền và xin giảm hình phạt cho bị cáo, nhưng bị cáo vẫn chửi bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng không xuất trình được tình tiết mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn D. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc Kiểm tra 1 - TANDTC;
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND H. L;
- Chi cục THADS H. L;
- Cơ quan CSĐT H. L;
- Cơ quan THAHS CA H. L;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T. Em).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai